

# Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma

## Môn học: PĀLI PHÁP CÚ

**Bài học ngày 22.5.2022**

---

### I. Phẩm Song Đối \_ Kệ số 15

#### Duyên sự:

Bài kệ này được đức Phật thuyết tại chùa Veļuvana thành Rājagaha, do câu chuyện người đồ tể Cunda.

Ở Rājagaha có người đồ tể tên Cunda làm nghề giết mổ heo suốt năm mươi năm.

Những ngày cuối đời, đồ tể Cunda tinh thần hoảng loạn, bò tới, bò lui trên nền nhà, kêu la rên siết như tiếng heo bị thọc huyết, làm kinh động cả xóm.

Các vị tỳ kheo mỗi buổi sáng đi vào thành Rājagaha để khát thực đi ngang qua nhà đồ tể Cunda nghe tiếng la hét cứ ngỡ ông ta đang giết mổ heo. Đến ngày thứ bảy thì không nghe nữa.

Các vị tỳ kheo về chùa bàn tán việc làm tàn ác của đồ tể Cunda. Đức Phật mới nói với các vị tỳ kheo rằng bảy ngày qua các người đi ngang qua nhà đồ tể Cunda nghe tiếng la hét như con heo bị thọc huyết, đó là tiếng kêu la của đồ tể Cunda do bị ám ảnh bởi ác nghiệp sát sanh mà ông ta đã làm, và hôm nay ông ta đã mệnh chung tái sanh vào địa ngục. Nói xong đức Phật thuyết bài kệ pháp cú: *Idha socati* ..v.v..

\*

**Chánh văn:**     **Idha socati pecca socati**  
                  **pāpakārī ubhayattha socati**  
                  **so socati so vihaññati**  
                  **disvā kammakiliṭṭhamattano.**

(dhp 15)

\*

## Thích văn:

**idha** [trạng từ] ở đây, trong đời này.

**socati** [thì hiện tại ngôi III, số ít của động từ **socati** ( $\sqrt{\text{suc}} + a$ )] sầu muộn, buồn rầu, lo âu.

**pecca** [bất biến từ] = **paraloke**, đời khác, đời sau; sau khi chết.

**pāpakārī** [chủ cách số ít của danh từ hợp thể **pāpakārī** ( $pāpa + kārī$ )] người làm ác, kẻ làm điều tội lỗi.

**ubhayattha** [trạng từ] ở cả hai tình trạng, cả hai đời (đời này và đời sau).

**so** [chủ cách số ít của chỉ thị đại từ **ta**] nó, người ấy.

**vihaññati** [thì hiện tại ngôi III, số ít, động từ **vihaññati** ( $vi + (\sqrt{\text{han}} + ya)$ )] ưu não, phiền muộn, bi lụy.

**disvā** [bất biến quá khứ phân từ của động từ **passati** ( $\sqrt{\text{dis}} + tvā$ )] sau khi thấy, đã thấy rồi.

**kammakiliṭṭhamattano** [hợp âm **kammakiliṭṭham attano**]

**kammakiliṭṭham** [đối cách số ít của danh từ hợp thể **kammakiliṭṭha** ( $kamma + kiliṭṭha$ )] \_ quá khứ phân từ của “động từ **kilissati**”] nghiệp cấu ứ, việc làm ô nhiễm.

**attano** [sở thuộc cách số ít của danh từ nam tính **atta**] của chính ta, của mình.

\*

## Việt văn:

Nay sầu, đời sau sầu,  
làm ác hai đời sầu,  
nó sầu, nó ưu não,  
thấy nghiệp ứ mình làm.

(pc 15)

\*

## **Chuyển văn:**

***Pāpakārī idha socati pecca socati ubhayattha socati. Attano kiliṭṭhaṃ kammaṃ disvā so socati vihaññati.***

Kẻ làm ác sầu muộn đời này, sầu muộn đời sau, trong cả hai đời đều sầu muộn. Khi nhìn thấy việc làm ô nhiễm của mình thì nó sầu muộn, ưu não.

\*

## **Lý giải:**

Người làm ác (*pāpakārī*) là người làm ác hạnh về thân, làm ác hạnh về khẩu, làm ác hạnh về ý.

Thân ác hạnh như sát sanh, trộm cướp, tà dâm; Khẩu ác hạnh như nói dối, nói chia rẽ, nói độc ác, nói vô ích; Ý ác hạnh như tham lam, sân hận, tà kiến.

Việc ác được thực hiện bằng tâm bất thiện, một trạng thái tâm tương ưng căn tham, căn sân và căn si. Do đó hành động ác được gọi là nghiệp phiền não, việc làm ô nhiễm tội lỗi.

Kẻ làm ác không bao giờ được hoan hỷ hay hạnh phúc khi nó nghĩ lại hành động xấu đã làm, trái lại nó luôn mặc cảm tội lỗi, ray rức khi nhớ tới tội ác của mình. Như người vay nợ mua nhà cửa y phục, thức ăn; khi nó sống trong ngôi nhà ấy, mặc y phục ấy, ăn thức ăn ấy ..v.v.. mỗi khi nghĩ đến tiền nợ phải trả, nó không được vui vẻ thoải mái, trái lại nó buồn rầu khổ sở.

***Biên soạn giáo trình: Tỳ kheo Tuệ Siêu***